

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+TTC1+P5	7:25	6+15+0	0+0+0		3+6+12	0+0+0	
2		BK20+CTK3	9:25	0+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 3 BK20-CTK3

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2024	TO: BK20 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - XTRƯỜNG - THỤNH	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ NGỌC HAI	CTK3	28	1	15			99	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN KHANG	CTK3	42	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TRỌNG THẮNG	CTK3	25	1	15			72	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	CTK3	21-22	2	20			84	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN HAI NAM	CTK3	35	1	8			78	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ ĐÌNH QUANG	CTK3	36	1	7			50	XAYLAP	Vietnamese
7	LƯU ĐỨC THỊNH	CTK3	31	1	10	1	15	70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN QUAN	CTK3	23	1	20	1	15	60	XAYLAP	Vietnamese
9	LẠI HUY CƯỜNG	CTK3	29-30	2	10			65	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN ĐOÀN	CTK3	41	1	20			74	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT PHONG LƯU	CTK3	39-40	2	20			92	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG ANH TUẤN	CTK3	26	1	15			64	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI VĂN TUYẾN	CTK3	33-34	2	14			55	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐỖ ĐÌNH A	CTK3	27	1	9			72	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	CTK3	20	1	5			78	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN QUỐC TOÀN	CTK3	44	1	19			90	XAYLAP	Vietnamese
17	VU VAN DUAN	CTK3	43	1	17			73	XAYLAP	Vietnamese
18	NGO DINH THANG	CTK3	37-38	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM HUU TUNG	CTK3	19	1	10			90	SBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	0	0	0	0	0	0	0+3		CHUYEN 3 PAX BK20-CTK3
2	CTK3	19	1.410	24	262	2	30	22		+1 NB CTK3 VE GHE PHU
TOTAL		19	1.410	24	262	2	30	22		
WEIGHT KG			1.410		262		30			

GRAND TOAL:

1.702 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2024	TO: P10 - TTC1 - P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - XTRƯỜNG -	ETA: 09:20
XANH - 1		THỤ	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN LONG	P10	32-33	2	23			72	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TÂM	P10	28	1	10			81	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẶNG ANH TÚ	P10	30-31	2	18			71	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ ĐỨC TUYẾN	P10	29	1	7			85	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ TUẤN ANH	P10	25-26	2	25			81	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC THIÊN	P10	27	1	15			66	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG KIM ĐỨC	TTC1	21-22	2	15			68	LAM HỒNG	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC DUNG	TTC1	28-29	2	13			53	LAM HỒNG	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CHÍNH	TTC1	030	1	4			59	LAM HỒNG	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG THUẬN	TTC1	30	1	5			79	LAM HỒNG	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LANH	TTC1	25-26	2	11			69	LAM HỒNG	Vietnamese
12	LÊ HỒNG GIANG	TTC1	96	1	8	1	25	82	LAM HỒNG	Vietnamese
13	PHẠM HOANG VIỆT	TTC1	97	1	8			93	LAM HỒNG	Vietnamese
14	PHẠM VĂN QUANG	TTC1	94-95	2	13			78	LAM HỒNG	Vietnamese
15	VŨ VĂN CUÔNG	TTC1	80	1	10			81	LAM HỒNG	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN MUI	TTC1	23-24	2	24			68	LAM HỒNG	Vietnamese
17	LÊ VĂN NGHỊ	TTC1	99,800	2	12			65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN DUY KHANH	TTC1	32-33	2	17			80	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ CHÍ CÔNG	TTC1	98	1	11			53	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TTC1	34	1	13	3	62	78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC TUẤN	TTC1	27	1	9			77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	6	456	9	98	0	0	3		
2	TTC1	15	1.083	22	173	4	87	6		
3	P5	0	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		21	1.539	31	271	4	87	21		
WEIGHT KG			1.539		271		87			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10-P9+TD1	7:25	6+15+1	0+0		0+2+20	0+0	
2		TD2+CLO+RC4	7:25	8+14+0	0+0+0		1+14+7	0+0+0	
3		TD5+CTK3+CLO	9:25	2+12+8	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
4		PPD+P10+CTK3	9:25	4+11+6	0+0+0		4+0+11	0+0+0	chuyen 1 ppd- p10

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2024	TO: P10 - P9 - TD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHANG - TTRUNG - THU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRAN THIEN SON	P10	34	1	10	1	10	61	SINH HUNG	Vietnamese
2	LE MINH CHUONG	P10	36-37	2	8			64	SINH HUNG	Vietnamese
3	HA VAN TRUONG	P10	38	1	11			58	XAY LAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HUONG	P10	39	1	5			57	SINH HUNG	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HOA	P10	40	1	13			57	SINH HUNG	Vietnamese
6	TRAN VAN TU	P10	41-42	2	12			63	SINH HUNG	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC DINH	P9	75	1	13			91	KH-THAC	Vietnamese
8	BADRETDINOV EDGAR	TD1	25	1	5	4	70	78	KHOAN	Russian
9	NGUYEN NHU BANG	TD1	12	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DANH QUY	TD1						75	KHOAN	Vietnamese
11	DINH XUAN HOA	TD1	18	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VAN DUY	TD1	15	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN HOAN	TD1	11	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
14	VU DUC TOAN	TD1	20	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM MINH THANG	TD1	13	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
16	TRINH CAO TRONG	TD1	14	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN MINH HOANG	TD1	16	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG CUONG	TD1	10	1	9			77	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DUC THINH	TD1	21	1	11			80	KHOAN	Vietnamese
20	VU VAN NAM	TD1	19	1	14			71	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN VIET HUNG	TD1	24	1	4	2	22	65	DVL	Vietnamese
22	LO TRUONG GIANG	TD1	17	1	8			80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	P10		6	360	8	59	1	10	0		
2	P9		1	91	1	13	0	0	2		
3	TD1		15	1.095	14	98	6	92	20		
TOTAL			22	1.546	23	170	7	102	22		
WEIGHT KG				1.546		170		102			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/09/2024	TO: TD2 - CLO - RC4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TUYỀN - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN MINH THAI	TD2	85-86	2	19	1	20	75	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ CÔNG BẢNG	TD2	79-80	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC KIM	TD2	83-84	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
4	LẠI XUÂN ĐUỐC	TD2	75-76	2	13			71	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN KHẮC THẠCH	TD2	87-88	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN NGỌC	TD2	77	1	10	1	17	77	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ HỒNG QUAN	TD2	73	1	10	1	13	67	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN CÔNG LỰC	TD2	81-82	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
9	VLASOV ALEKSANDR	CLO	69-70	2	22			94	KHOAN	Russian
10	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO	57	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ THẾ NĂNG	CLO	67	1	11			62	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ VĂN BÁC	CLO	53	1	8			80	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN CHIẾN THĂNG	CLO	58-59	2	15			67	KHOAN	Vietnamese
14	BUI QUỐC GIA	CLO	56	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ VĂN LONG	CLO	54	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
16	HA QUỐC DŨNG	CLO	62-63	2	15			77	KHOAN	Vietnamese
17	ĐO HUY BÌNH	CLO	61	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM NAM HẢI	CLO	55	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN TRUNG	CLO	60	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	CLO	64	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN THUỖNG VŨ	CLO						87	KHOAN	Vietnamese
22	ĐOÀN HIỆU	CLO	65-66	2	14			75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	TD2		8	549	14	124	3	50	1		
2	CLO		14	1.055	17	122	0	0	14		
3	RC4		0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL			22	1.604	31	246	3	50	22		
WEIGHT KG				1.604		246		50			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/09/2024	TO: TD5 - CTK3 - CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - TTRUNG - THU	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN NGỌC	TD5	38-39	2	10	1	23	73	PVD TRAIN	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC CHÍNH	TD5	37	1	15			80	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM QUANG CHUNG	CTK3	42	1	10	1	20	55	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ ĐÌNH ĐỎ	CTK3	38	1	10	1	17	77	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH SƠN	CTK3	49-50	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN SỸ	CTK3	36-37	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM PHƯƠNG DUNG	CTK3	44	1	17			70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN KIM THẮNG	CTK3	47-48	2	15			57	XAYLAP	Vietnamese
9	NGÔ VĂN MẠNH	CTK3	45-46	2	17	1	20	65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN KHÁC PHÚC	CTK3	34-35	2	15	3	45	90	XAYLAP	Vietnamese
11	VÔ VĂN LINH	CTK3	32-33	2	13			60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH NAM	CTK3	40-41	2	11			55	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC THẮNG	CLO	01	1	13			60	KHOAN	Vietnamese
14	CAO ĐẮC DÂN	CLO	02-03	2	19			71	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN NAM HOÀNG	CLO	10	1	19			56	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ TRỌNG TUYẾN	CLO	12	1	10			62	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	CLO	09	1	16			50	CODIEN	Vietnamese
18	PHAN MẠNH HÙNG	CLO	04-06	3	17			70	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN HẠM HÀ	CLO	11	1	12	1	10	60	DVL	Vietnamese
20	MAI HUY TỬ	CLO	07	1	10			60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	2	153	3	25	1	23	0		THAO 02 GHE CHO HANG
2	CTK3	10	661	17	147	6	102	6		
3	CLO	8	489	11	116	1	10	14		
TOTAL		20	1.303	31	288	8	135	20		
WEIGHT KG			1.303		288		135			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

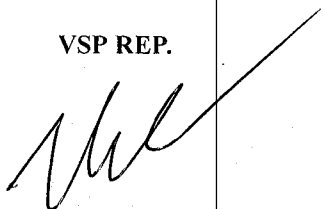
DATE: 12/09/2024		TO: PPD - P10 - CTK3				AIRCRAFT: 406			ETD: 09:55		
FLIGHT: 04		FROM: VT				CREW: TUYỀN - M.ĐỨC - DTÙNG			ETA: 11:45		
TRANG-2											
No.	PAX.NAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	HOANG VAN VIET		PPD	34	1	12			79	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG VAN THUYET		PPD	32-33	2	18	1	6	65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG QUE		PPD	30-31	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
4	VO TA HUNG		PPD	29	1	21			68	XAYLAP	Vietnamese
5	MAI THANH TRUNG		P10	54	1	13			61	SINH HUNG	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THỌ		P10	46	1	10			54	SINH HUNG	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN BINH		P10	43-44	2	11			65	SINH HUNG	Vietnamese
8	VŨ VĂN LỢI		P10	45	1	12			65	SINH HUNG	Vietnamese
9	DAO NGAN LAM		P10	49	1	10	1	20	66	MERMAID	Vietnamese
10	TRAN VAN THUC		P10	52-53	2	23			62	MERMAID	Vietnamese
11	LE MINH NGOC		P10	47-48	2	18			85	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG DINH HANH		P10	51	1	8			79	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ CÔNG DANH		P10	55	1	10			71	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SƠN		CTK3	15	1	8	1	17	63	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG		CTK3	18	1	6	1	22	82	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẶNG QUANG THỜI		CTK3	09-10	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
17	TẠ HỒNG GIANG		CTK3	07	1	5			62	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN ANH		CTK3	08	1	8			79	PSV	Vietnamese
19	HÀN CÔNG VIỆN		CTK3	12	1	6	1	24	74	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG QUANG HUNG		CTK3	13-14	2	23			77	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG QUOC VIET		CTK3						70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	4	284	6	71	1	6	4+1		CHUYEN 1 PAX PPD <i>Sang P10</i>
2	P10	9	608	12	115	1	20	0		
3	CTK3	8	569	9	75	3	63	13		
TOTAL		21	1.461	27	261	5	89	17		
WEIGHT KG			1.461		261		89			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

